

# Bài tập thi hiện tại đơn và quá khứ đơn

Mục đích sử dụng của **thì hiện tại đơn** và **thì quá khứ đơn** hoàn toàn tách biệt dựa trên tính hoàn thành của hành động và thời điểm diễn ra sự việc. Cùng khám phá kho **bài tập thi hiện tại đơn và quá khứ đơn** kèm đáp án chi tiết được **ELSA Speak** tổng hợp ngay sau đây!

Bài tập 1: Chia dạng đúng của động từ trong ngoặc.....	2
Bài tập 2: Chọn đáp án đúng (Trắc nghiệm).....	3
Bài tập 3: Tìm và sửa lỗi sai trong câu.....	6
Bài tập 4: Viết lại câu hoàn chỉnh dựa trên từ gợi ý.....	7
Bài tập 5: Điền vào chỗ trống để hoàn thành đoạn văn (Nâng cao).....	8

## Bài tập 1: Trắc nghiệm chọn đáp án đúng

Đề bài: Chọn đáp án đúng (A, B, C hoặc D) để hoàn thành các câu sau.

1. I \_\_\_\_\_ my keys yesterday. I couldn't get into the house.  
A. lose  
B. lost  
C. loses  
D. losing
2. \_\_\_\_\_ she \_\_\_\_\_ to the gym every day?  
A. Do / go  
B. Does / goes  
C. Does / go  
D. Did / went
3. The sun \_\_\_\_\_ in the East and \_\_\_\_\_ in the West.  
A. rise / set  
B. rises / sets  
C. rose / set  
D. rises / set
4. Where \_\_\_\_\_ you \_\_\_\_\_ last summer holiday?  
A. do / go  
B. did / go  
C. did / went  
D. does / go
5. We \_\_\_\_\_ hungry so we \_\_\_\_\_ some sandwiches an hour ago.  
A. are / eat  
B. were / ate  
C. were / eat  
D. are / ate
6. He usually \_\_\_\_\_ coffee, but today he \_\_\_\_\_ tea.  
A. drinks / drank  
B. drinks / drinks  
C. drank / drank  
D. drink / drink
7. Mozart \_\_\_\_\_ more than 600 pieces of music.  
A. writes  
B. writed

C. wrote

D. write

8. \_\_\_\_\_ you \_\_\_\_\_ busy right now?

A. Are / be

B. Do / be

C. Is / be

D. Are / (không điền)

9. They \_\_\_\_\_ at home last night. They went to the cinema.

A. didn't be

B. weren't

C. wasn't

D. don't be

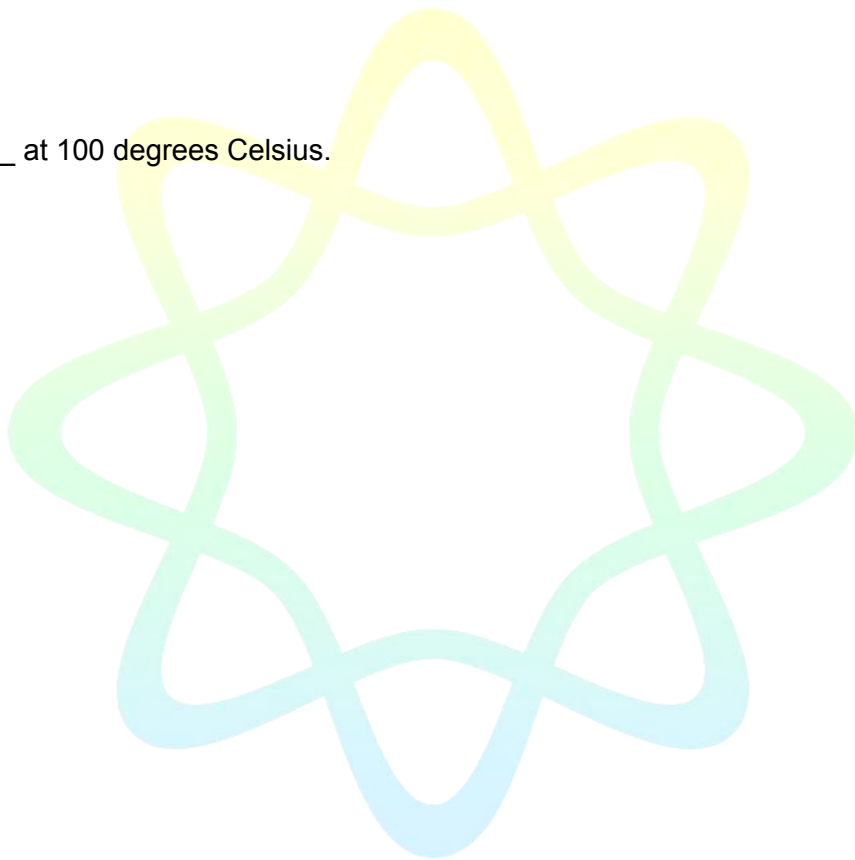
10. Water \_\_\_\_\_ at 100 degrees Celsius.

A. boils

B. boil

C. boiled

D. is boiling



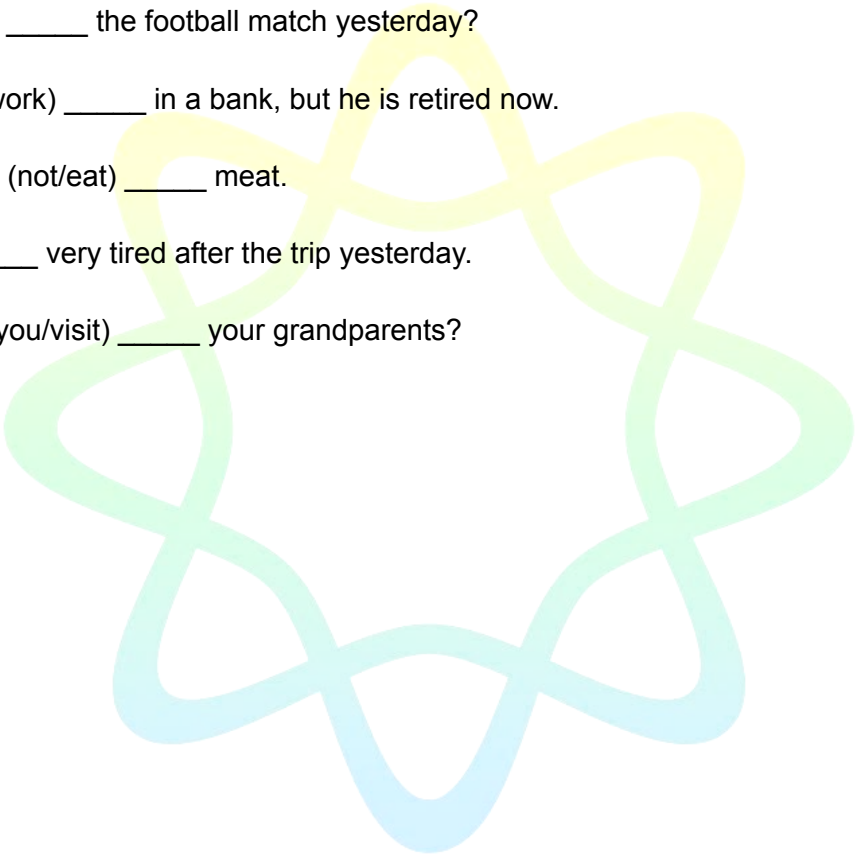
## Đáp án bài tập 1

Câu	Đáp án	Giải thích
1	B	Có trạng từ yesterday (hôm qua) nên dùng thì quá khứ đơn. Lost là quá khứ của lose.
2	C	Có every day (mỗi ngày) nên dùng thì hiện tại đơn. Chủ ngữ She đi với trợ động từ Does, động từ chính giữ nguyên.
3	B	Diễn tả sự thật hiển nhiên về mặt trời, dùng thì hiện tại đơn. Chủ ngữ The sun số ít nên động từ thêm s.
4	B	Có last summer holiday (kỳ nghỉ hè trước) nên dùng thì quá khứ đơn. Câu hỏi dùng trợ động từ Did, động từ chính giữ nguyên.
5	B	Có an hour ago (một giờ trước) nên dùng thì quá khứ đơn. Were là quá khứ của tobe, ate là quá khứ của eat.
6	A	Usually chỉ thói quen nên chia hiện tại đơn (drinks). Today trong ngữ cảnh này diễn tả hành động cụ thể đã xảy ra và kết thúc trong ngày (khác với thói quen), nên chia quá khứ đơn (drank).
7	C	Mozart là nhân vật lịch sử đã qua đời, hành động viết nhạc đã chấm dứt hoàn toàn trong quá khứ nên dùng quá khứ đơn.
8	D	Có right now (ngay bây giờ) và tính từ busy, dùng động từ tobe ở hiện tại đơn với chủ ngữ You là Are.
9	B	Có last night (tối qua) nên dùng quá khứ đơn. Chủ ngữ They đi với tobe phủ định là weren't.
10	A	Diễn tả sự thật hiển nhiên về vật lý, dùng thì hiện tại đơn. Water là danh từ không đếm được (số ít) nên động từ thêm s.

Bảng tra cứu nhanh đáp án bài tập 1

## Bài tập 2: Chia dạng đúng của động từ trong ngoặc

**Đề bài:** Chia động từ trong ngoặc ở thì hiện tại đơn hoặc quá khứ đơn.

1. She (not/drink) \_\_\_\_\_ coffee very often.
  2. The police (stop) \_\_\_\_\_ me on my way home last night.
  3. Shakespeare (write) \_\_\_\_\_ many famous plays.
  4. The flight (start) \_\_\_\_\_ at 7:00 AM every Sunday.
  5. I (buy) \_\_\_\_\_ this dress in 2022.
  6. (You/watch) \_\_\_\_\_ the football match yesterday?
  7. My father (work) \_\_\_\_\_ in a bank, but he is retired now.
  8. Vegetarians (not/eat) \_\_\_\_\_ meat.
  9. We (be) \_\_\_\_\_ very tired after the trip yesterday.
  10. How often (you/visit) \_\_\_\_\_ your grandparents?
- 

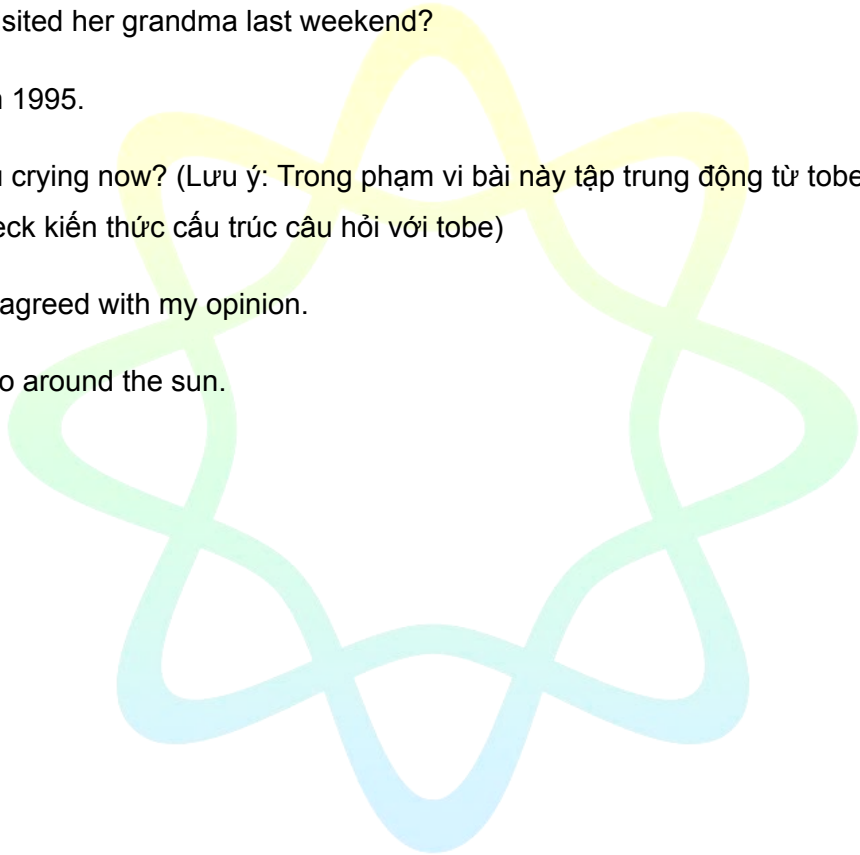
## Đáp án bài tập 2

Câu	Đáp án	Giải thích
1	doesn't drink	Dùng hiện tại đơn vì diễn tả thói quen. Chủ ngữ She dùng trợ động từ phủ định doesn't.
2	stopped	Dùng quá khứ đơn vì có last night. Động từ stop gấp đôi phụ âm p rồi thêm ed.
3	wrote	Dùng quá khứ đơn vì Shakespeare là nhân vật lịch sử đã mất, sự nghiệp của ông đã kết thúc.
4	starts	Dùng hiện tại đơn vì diễn tả lịch trình tàu xe/máy bay cố định. The flight số ít thêm s.
5	bought	Dùng quá khứ đơn vì có mốc thời gian cụ thể in 2022 (đã qua).
6	Did you watch	Dùng quá khứ đơn vì có yesterday. Câu hỏi đảo Did lên trước chủ ngữ, động từ watch nguyên mẫu.
7	worked	Dùng quá khứ đơn vì về sau nói he is retired now (bây giờ ông đã nghỉ hưu), hành động làm việc đã chấm dứt.
8	don't eat	Dùng hiện tại đơn vì diễn tả sự thật hiển nhiên về người ăn chay. Vegetarians số nhiều dùng don't.
9	were	Dùng quá khứ đơn vì có yesterday. Chủ ngữ We đi với tobe số nhiều là were.
10	do you visit	Dùng hiện tại đơn với câu hỏi How often hỏi về tần suất/thói quen.

Bảng tra cứu nhanh đáp án bài tập 2

## Bài tập 3: Tìm và sửa lỗi sai

**Đề bài:** Mỗi câu sau chứa một lỗi sai về ngữ pháp. Hãy tìm và sửa lại cho đúng.

1. Did you went to school yesterday?
  2. She don't like playing football.
  3. When I was a child, I want to be a doctor.
  4. He studies English every day and played tennis.
  5. The train leaved the station 10 minutes ago.
  6. Does she visited her grandma last weekend?
  7. I am born in 1995.
  8. Why do you crying now? (Lưu ý: Trong phạm vi bài này tập trung động từ tobe/thường, nhưng câu này check kiến thức cấu trúc câu hỏi với tobe)
  9. They didn't agreed with my opinion.
  10. The earth go around the sun.
- 

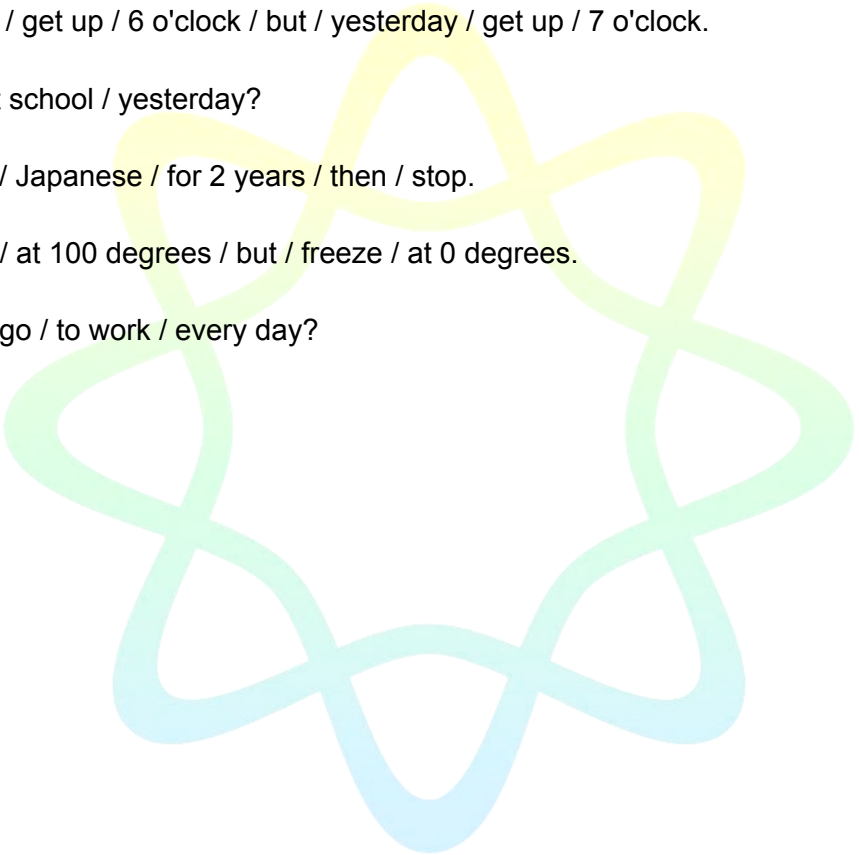
### Đáp án bài tập 3

Câu	Lỗi sai → Sửa lại	Giải thích
1	went → go	Trong câu hỏi quá khứ đơn, đã dùng trợ động từ Did thì động từ chính phải ở dạng nguyên mẫu.
2	don't → doesn't	Thì hiện tại đơn, chủ ngữ She (ngôi thứ 3 số ít) phải dùng trợ động từ phủ định doesn't.
3	want → wanted	Mệnh đề When I was a child chỉ thời điểm quá khứ, nên động từ chính cũng phải chia quá khứ đơn.
4	played → plays	Có every day chỉ thói quen hiện tại, nên cả hai hành động studies và plays phải cùng thì hiện tại đơn (cấu trúc song song).
5	leaved → left	Động từ leave là động từ bất quy tắc, quá khứ là left, không thêm ed.
6	Does → Did	Có last weekend (quá khứ) nên phải dùng trợ động từ Did cho câu hỏi.
7	am → was	Sự kiện sinh ra luôn nằm ở quá khứ và có năm 1995 cụ thể, dùng to be quá khứ was.
8	do → are	Dấu hiệu now chỉ hành động đang diễn ra (tiếp diễn), nên phải dùng <a href="#">động từ to be</a> are đi với V-ing. Trợ động từ "do" chỉ đi với động từ nguyên mẫu.
9	agreed → agree	Sau trợ động từ phủ định didn't, động từ phải ở dạng nguyên mẫu.
10	go → goes	Sự thật hiển nhiên, chủ ngữ The earth số ít, động từ go phải thêm es.

Bảng tra cứu nhanh đáp án bài tập 4

## Bài tập 4: Viết lại câu hoặc hoàn thành câu

**Đề bài:** Dùng từ gợi ý để viết thành câu hoàn chỉnh.

1. not / rain / much / in winter / here.
  2. I / see / terrible accident / yesterday.
  3. What time / film / start / tonight?
  4. We / not / go / holiday / last year.
  5. Albert Einstein / die / 1955.
  6. He / usually / get up / 6 o'clock / but / yesterday / get up / 7 o'clock.
  7. Be / you / at school / yesterday?
  8. She / study / Japanese / for 2 years / then / stop.
  9. Water / boil / at 100 degrees / but / freeze / at 0 degrees.
  10. How / you / go / to work / every day?
- 

## Đáp án bài tập 4

Câu	Đáp án hoàn chỉnh	Giải thích
1	It does not rain much here in winter.	Sự thật về thời tiết (hiện tại đơn). Chủ ngữ giả It + doesn't + V.
2	I saw a terrible accident yesterday.	Sự việc đã xảy ra hôm qua (quá khứ đơn). See → Saw.
3	What time does the film start tonight?	Lịch trình cố định (hiện tại đơn).
4	We did not go on holiday last year.	Sự việc quá khứ (last year), câu phủ định dùng Did not.
5	Albert Einstein died in 1955.	Sự kiện lịch sử (quá khứ đơn). Die → Died.
6	He usually gets up at 6 o'clock, but yesterday he got up at 7 o'clock.	Về đầu thói quen (hiện tại đơn: gets). Về sau sự việc hôm qua (quá khứ đơn: got).
7	Were you at school yesterday?	Câu hỏi với tobe ở quá khứ. You đi với Were.
8	She studied Japanese for 2 years and then stopped.	Kể lại chuỗi sự kiện đã kết thúc trong quá khứ (studied, stopped).
9	Water boils at 100 degrees but freezes at 0 degrees.	Sự thật hiển nhiên (hiện tại đơn). Thêm s/es cho cả 2 động từ.
10	How do you go to work every day?	Câu hỏi về phương tiện/thói quen (hiện tại đơn).

Bảng tra cứu nhanh đáp án bài tập 4

## Bài tập 5: Điền từ vào đoạn văn

**Đề bài:** Chia động từ trong ngoặc ở thì thích hợp để hoàn thành đoạn văn sau.

My friend, Lan, (1. be) \_\_\_\_\_ a journalist. She (2. live) \_\_\_\_\_ in Hanoi now, but she (3. be) \_\_\_\_\_ born in Hue. Every day, she (4. go) \_\_\_\_\_ to work by bus. She (5. love) \_\_\_\_\_ her job because she meets many people. Two years ago, she (6. work) \_\_\_\_\_ for a small newspaper in Da Nang. She (7. not/like) \_\_\_\_\_ the work there very much, so she (8. decide) \_\_\_\_\_ to move to Hanoi. Last week, I (9. meet) \_\_\_\_\_ her for coffee. We (10. talk) \_\_\_\_\_ about her new projects for hours.

### Đáp án bài tập 5

Câu	Đáp án	Giải thích
1	is	Sự thật ở hiện tại về nghề nghiệp của Lan.
2	lives	Sự thật về nơi ở hiện tại (có từ now).
3	was	Sự kiện sinh ra luôn ở quá khứ.
4	goes	Thói quen hàng ngày (Every day).
5	loves	Cảm xúc, trạng thái ở hiện tại.
6	worked	Sự việc trong quá khứ (Two years ago).
7	didn't like	Sự việc trong quá khứ (đang kể về thời điểm làm ở Đà Nẵng).
8	decided	Kết quả của việc không thích công việc cũ (quá khứ).
9	met	Sự việc cụ thể trong quá khứ (Last week).
10	talked	Hành động đã diễn ra và kết thúc trong buổi gặp gỡ đó.

*Bảng tra cứu nhanh đáp án bài tập 5*

## Bài tập 6: Bài tập tổng hợp thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn và quá khứ đơn

**Đề bài:** Chia động từ trong ngoặc ở thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn hoặc quá khứ đơn để hoàn thành các câu sau.

1. Look! The birds (fly) \_\_\_\_\_ south for the winter.
2. My father usually (drink) \_\_\_\_\_ tea in the morning, but today he is drinking coffee.
3. They (buy) \_\_\_\_\_ a new car two days ago.
4. Be quiet! The baby (sleep) \_\_\_\_\_ in the bedroom.
5. Water (freeze) \_\_\_\_\_ at 0 degrees Celsius.
6. We (not/go) \_\_\_\_\_ to the cinema last night because we were too tired.
7. I can't talk to you right now. I (cook) \_\_\_\_\_ dinner.
8. How often (you/visit) \_\_\_\_\_ your grandparents?
9. Albert Einstein (develop) \_\_\_\_\_ the theory of relativity.
10. Listen! Someone (knock) \_\_\_\_\_ at the door.
11. The train to Hanoi (leave) \_\_\_\_\_ at 6:00 AM every day.
12. Where (you/be) \_\_\_\_\_ yesterday when I called you?
13. Currently, they (renovate) \_\_\_\_\_ the old town hall.
14. She (not/like) \_\_\_\_\_ spicy food, so she never orders it.
15. When I was a child, I (live) \_\_\_\_\_ in a small village.

## Đáp án bài tập 6

Câu	Đáp án	Giải thích
1	<b>are flying</b>	Có câu lệnh "Look!" (Nhìn kia!) báo hiệu hành động đang diễn ra ngay lúc nói → Chia <b>Thì hiện tại tiếp diễn</b> .
2	<b>drinks</b>	Có trạng từ tần suất "usually" chỉ thói quen ở hiện tại → Chia <b>Thì hiện tại đơn</b> . Chủ ngữ số ít (My father) động từ thêm s.
3	<b>bought</b>	Có dấu hiệu thời gian "two days ago" (2 ngày trước) đã chấm dứt → Chia <b>Thì quá khứ đơn</b> (buy → bought).
4	<b>is sleeping</b>	Có câu lệnh "Be quiet!" (Hãy im lặng) gây chú ý vào một sự việc đang diễn ra → Chia <b>Thì hiện tại tiếp diễn</b> .
5	<b>freezes</b>	Diễn tả một sự thật hiển nhiên, chân lý khoa học → Chia <b>Thì hiện tại đơn</b> . Danh từ không đếm được (Water) động từ thêm s.
6	<b>didn't go</b>	Có dấu hiệu "last night" (tối qua) → Chia <b>Thì quá khứ đơn</b> dạng phủ định (mượn trợ động từ didn't + V nguyên mẫu).
7	<b>am cooking</b>	Có cụm từ "right now" (ngay bây giờ) chỉ hành động đang xảy ra tại thời điểm nói → Chia <b>Thì hiện tại tiếp diễn</b> .
8	<b>do you visit</b>	Cấu trúc câu hỏi tần suất "How often" dùng để hỏi về thói quen → Chia <b>Thì hiện tại đơn</b> (mượn trợ động từ do đi với you).
9	<b>developed</b>	Diễn tả sự kiện, phát minh trong lịch sử gắn với nhân vật đã mất → Chia <b>Thì quá khứ đơn</b> .
10	<b>is knocking</b>	Có câu lệnh "Listen!" (Nghe kia!) hướng sự chú ý vào hành động đang xảy ra → Chia <b>Thì hiện tại tiếp diễn</b> .
11	<b>leaves</b>	Diễn tả lịch trình, thời gian biểu cố định của tàu xe → Chia <b>Thì hiện tại đơn</b> . Chủ ngữ số ít (The train) động từ thêm s.
12	<b>were you</b>	Có trạng từ "yesterday" (hôm qua) và yêu cầu chia động từ To Be → Chia <b>Thì quá khứ đơn</b> (chủ ngữ you đi với were).
13	<b>are renovating</b>	Có trạng từ "Currently" (Hiện tại, lúc này) diễn tả hành động đang trong quá trình diễn ra → Chia <b>Thì hiện tại tiếp diễn</b> .
14	<b>doesn't like</b>	"Like" là động từ chỉ trạng thái/sở thích và có trạng từ "never" → Chia <b>Thì hiện tại đơn</b> dạng phủ định.
15	<b>lived</b>	Có mệnh đề chỉ thời gian trong quá khứ "When I was a child" (Khi tôi còn nhỏ) → Chia <b>Thì quá khứ đơn</b> .

Bảng đáp án bài tập tổng hợp thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn và quá khứ đơn